TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2023/HS-ST
Ngày: 21/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu và bà Nguyễn Hồng Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Bốn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa và bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023; Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 50/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HS ngày 04/8/2023 đối với bị cáo:

TRẦN VĂN L, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Giới tính: Nam.

Trình độ văn hoá: 5/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bố: Trần Hồng S, sinh năm 1952; Mẹ: Vũ Thị B, sinh năm 1955.

Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ năm.Vợ: Bùi Thị Tuyết Gi, sinh năm 1987 (đã ly hôn). Có 09 con: Con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14/8/2007, TRẦN VĂN L bị Công an huyện Kinh Môn xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi Gây mất trật tự ở khu dân cư.

Bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Kim Thành từ ngày 29/5/2023 đến nay.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị Thu Hiền - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hải Dương.

* *Bị hại:* Chị Bùi Thị Tuyết Gi, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Nguyễn Thị Chi - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hải Dương.

* Người có quyền lợi liên quan: Ông Trần Hồng S, sinh năm 1952; địa chỉ: Q, K, K, Hải Dương.

** Người làm chứng:*

1. Cháu Trần Thu O, sinh ngày 04/11/2008; người đại diện hợp pháp cho cháu Oanh: Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1973.

2. Cháu Trần Khánh L1, sinh ngày 14/7/2012; người đại diện hợp pháp cho cháu Ly: Ông Trần Hồng S, sinh năm 1952.

3. Bà Vũ Thị B , sinh năm 1955.

(Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo; bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại; người làm chứngTrần Thu O và người đại diện hợp pháp có mặt. Người làm chứng Vũ Thị B , Trần Khánh L1 và người đại diện hợp pháp cho cháu L1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

TRẦN VĂN L đăng ký kết hôn với chị Bùi Thị Tuyết Gi vào ngày 23/4/2021, tại UBND xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, L và chị Gi chung sống với nhau tại thôn Q, xã K và có 01 người con chung. Quá trình chung sống, L và chị Gi xảy ra mâu thuẫn về việc chi tiêu, sinh hoạt gia đình nên từ khoảng đầu năm 2022 đến trước ngày 01/5/2023, tại chỗ ở của hai vợ chồng, nhiều lần L dùng tay, dây cắm nồi cơm điện dài khoảng 70-80cm, dây thắt lưng da dài khoảng 90cm, lược bằng nhựa dài khoảng 40cm, thanh gỗ gác hoa văn đầu giường kích thước 43cm x 5,5cm x 04 cm, trụ nắm cầu thang bằng gỗ kích thước 11cm x 08 cm đánh chị Gi. Có lần L dùng nước nóng trong phích hất vào người chị Gi . Khi đánh chị Gi , L thường trói chân, tay và dùng giẻ nhét vào miệng chị Gi để chị Gi không thể phản kháng, kêu cứu được; do thường xuyên bị L đánh nên chị Gi không nhớ mình bị đánh bao nhiêu lần. Những lần L đánh chị Gi nêu trên không để lại thương tích cho chị Gi .

Ngày 01 và ngày 10 tháng 5/2023, lúc này chị Gi đang mang thai khoảng 07 tháng; tại chỗ ở của L và chị Gi , L đã đánh chị Gi gây nên 61 vết bỏng da vùng mặt, ngực, lưng, thắt lưng, mặt sau 02 vai, 02 cánh tay, cẳng tay trái, mặt ngoài 02 đùi và 141 vết xước da vùng lưng, thắt lưng, mặt trên vai phải, mặt trên vai trái, cánh tay phải, cẳng tay phải, cánh tay trái, mông đùi cẳng chân phải, mông đùi cẳng chân trái, cụ thể:

Khoảng 10 giờ ngày 01/5/2023, L dùng dây cắm nồi cơm điện vụt nhiều lần vào cơ thể chị Gi . Tiếp đến, L cầm dây thắt lưng da vụt liên tiếp phần đầu dây có mặt khóa bằng kim loại kích thước 07cm x 05cm vào cơ thể chị Gi . Sau đó, L lấy

chiếc bếp gas mini từ dưới bếp đem lên bật lửa, hơ nóng chiếc móc phơi quần áo bằng kim loại rồi dí nhiều lần vào cơ thể chị Gi .

Khoảng 09 giờ ngày 10/5/2023, L dùng dây thắt lưng da nêu trên vụt liên tiếp phần đầu dây có khóa bằng kim loại vào cơ thể chị Gi . Sau đó, chị Gi van xin nên L dừng lại không đánh chị Gi nữa, chị Gi nói với L để chị Gi vào miền Nam tìm bạn bè vay tiền. L đồng ý và đi vay số tiền 2.000.000 đồng của mẹ đẻ L rồi chuyển cho chị Gi đặt vé máy bay để L và chị Gi vào Sài Gòn. Ngày 11/5/2023, khi vào đến thành phố Hồ Chí Minh, chị Gi không vay được tiền nên L bảo chị Gi mua vé máy bay để về nhà. Lợi dụng lúc L không để ý, chị Gi đã đi xe ôm bỏ trốn về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Kiên Giang. Ngày 21/5/2023, chị Gi đến Công an huyện Kim Thành tố giác hành vi phạm tội của TRẦN VĂN L.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 312/2023/KLTTCT-TTPYHP ngày 22/5/2023 của Trung tâm pháp y Hải Phòng xác định: Chị Bùi Thị Tuyết Gi có 32 vết bỏng da vùng mặt đã liền sẹo, màu trắng hồng, nhẵn, kích thước vết nhỏ nhất 0,3cm x 0,3cm, vết lớn nhất 05cm x 0,4cm (gồm: 03 vết bỏng da vùng trán phải, 13 vết bỏng da vùng má phải, 14 vết bỏng da vùng má trái, 02 vết bỏng da vùng dưới cằm phải); 05 vết bỏng da vùng ngực đã liền sẹo, màu trắng hồng, nhẵn, kích thước vết nhỏ nhất 4,6cm x 0,5cm, vết lớn nhất 08cm x 01cm (gồm: 01 vết bỏng da vùng trước ngực trái, 02 vết bỏng da vùng vú phải, 02 vết bỏng da vùng vú trái); 08 vết bỏng da vùng lưng, thắt lưng đã liền sẹo, màu trắng hồng, nhẵn, kích thước vết nhỏ nhất 0,6 x 0,5cm, vết lớn nhất 12cm x 1,2cm (gồm: 03 vết bỏng da vùng lưng trái; 01 vết bỏng da vùng thắt lưng phải; 04 vết bỏng da vùng lưng phải); 16 vết bỏng da mặt sau vai phải, mặt sau vai trái, mặt ngoài 1/3 trên cánh tay phải, vùng cánh tay trái, vùng cẳng tay trái, mặt ngoài 1/3 trên đùi phải, vùng mặt ngoài đùi trái đã liền sẹo, màu trắng hồng, nhẵn, kích thước vết nhỏ nhất 0,9cm x 0,4cm, vết lớn nhất 11cm x 1,6cm (gồm: 01 vết bỏng mặt sau vai phải, 02 vết bỏng da mặt sau vai trái, 02 vết bỏng da mặt ngoài 1/3 trên cánh tay phải, 05 vết bỏng da vùng cánh tay trái, 02 vết bỏng da vùng cẳng tay trái, 01 vết bỏng da mặt ngoài 1/3 trên đùi phải, 03 vết bỏng da vùng mặt ngoài đùi trái); 45 vết xây xước da vùng lưng, thắt lưng đã bong vảy để lại nền nhẵn, màu nâu, kích thước từ 02cm x 0,2cm đến 07cm x 0,4cm, trong đó 08 vết để lại sẹo rõ; 12 vết xây xước da vùng cánh tay phải đã bong vảy để lại nền nhẵn, màu nâu, kích thước từ 1,5cm x 0,1cm đến 9,5cm x 0,4cm, trong đó 01 vết để lại sẹo rõ; 37 vết xước da vùng mông, đùi, cẳng chân phải để lại sẹo nhẵn, màu nâu, kích thước từ 2,5cm x 0,2cm đến 07cm x0,5cm, trong đó 04 vết xây xước da vùng đùi phải để lại sẹo rõ; 31 vết xây xước da mông đùi, cẳng chân trái để lại nền nhẵn, màu nâu kích thước từ 1,5cm x 0,6cm đến 12cm x 0,5cm, trong đó 03 vết xây xước da vùng đùi trái để lại sẹo rõ; 16 vết xây xước da để lại nền nhẵn, màu nâu, kích thước từ 0,4cm x 0,3cm đến 7,3cm x 0,2cm (gồm 02 vết xây xước da mặt trên vai phải, 03 vết xây xước da mặt trên vai trái, 04 vết xây xước da vùng cẳng

tay phải và 07 vết xây xước da vùng cánh tay trái); 02 vết bầm tím cẳng chân trái đã ngả vàng.

Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của chị Bùi Thị Tuyết Gi tại thời điểm giám định là 29%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư, trong đó: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do bỏng da vùng mặt ảnh hưởng thẩm mỹ gây nên là 08%; Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do bỏng da vùng ngực, lưng, vai, hai tay, hai chân không ảnh hưởng thẩm mỹ gây nên là 01%; Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do 08 sẹo vết xây xước da vùng lưng gây nên là 01% mỗi vết; Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do 01 sẹo vết xây xước da cánh tay phải gây nên là 02%; Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do 04 sẹo vết xây xước da vùng đùi phải gây nên là 02% mỗi vết; Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do 03 sẹo vết xây xước da vùng đùi trái gây nên là 02% mỗi vết. Các vết xây xước da còn lại chưa rõ có để lại sẹo hay không nên chưa đánh giá tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra giám định bổ sung sau 02 - 03 tháng; 02 vết bầm tím cẳng chân trái là sang chấn phần mềm sẽ khỏi hoàn toàn và không có hướng dẫn đánh giá tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể trong Thông tư hiện hành. Các vết bỏng da có đặc điểm do bỏng nhiệt gây nên. Các vết xây xước da, bầm tím có đặc điểm do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

Tại văn bản số 116 ngày 24/5/2023 của Trung tâm pháp y Hải Phòng, thể hiện: Móc treo quần áo bằng kim loại được hơ nóng trên bếp gas hoàn toàn có thể gây nên các vết thương bỏng da trên cơ thể nạn nhân. Các vết bỏng da đã tạo thành sẹo có màu sắc tương đồng nhau nên không thể xác định vết thương nào có trước, vết thương nào có sau. Các vết thương bỏng da phù hợp với thời điểm xảy ra từ ngày 01/5/2023 đến ngày 10/5/2023, không thể xác định được cụ thể xảy ra ngày nào. Thắt lưng da có mặt khóa bằng kim loại, trụ nắm cầu thang bằng gỗ, thanh gỗ gác đầu giường, dây điện cắm nồi cơm có đặc điểm là vật tày và đều có thể gây nên các vết xây xước da, bầm tím trên cơ thể nạn nhân. Không thể xác định được cụ thể từng vết thương do vật nào gây nên. Không thể xác định được vết thương nào có trước, vết thương nào có sau. Các vết thương xây xước da, bầm tím phù hợp với thời điểm xảy ra từ ngày 01/5/2023 đến ngày 10/5/2023, không thể xác định được cụ thể xảy ra vào ngày nào.

Tại bản Kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 380/2023/KLTTCT-TTPYHP ngày 08/6/2023 của Trung tâm pháp y Hải Phòng, xác định: 125 vết xây xước da vùng lưng, thắt lưng, mặt trên vai phải, mặt trên vai trái, cánh tay phải, cẳng tay phải, cánh tay trái, mông đùi cẳng chân phải, mông đùi cẳng chân trái để lại vết biến đổi màu sắc da, có tính chất tương tự nhau, được tính như kích thước nhỏ. Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của chị Bùi

Thị Tuyết Gi tại thời điểm giám định là 48%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư, trong đó: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do 125 vết biến đổi màu sắc da vùng lưng, thắt lưng, mặt trên vai phải, mặt trên vai trái, cánh tay phải, cẳng tay phải, cánh tay trái, mông đùi cẳng chân phải, mông đùi cẳng chân trái gây nên là 27%; Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 312/2023/KLTTCT-TTPYHP ngày 22/5/2023 kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do các vết bỏng và sẹo 16 vết xây xước da gây nên là 29%.

Tại Phiếu siêu âm ngày 21/5/2023 của Trung tâm y tế huyện Kim Thành thể hiện: chị Bùi Thị Tuyết Gi có 01 thai, tuổi thai ước tính 31 tuần.

Quá trình điều tra, TRẦN VĂN L không thừa nhận một phần hành vi phạm tội, L khai ngoài 02 lần đánh chị Gi vào ngày 01 và ngày 10 tháng 5/2023 thì trước ngày 01/5/2023, L chỉ đánh chị Gi 02 lần.

Chị Bùi Thị Tuyết Gi tự nguyện không yêu cầu L phải bồi thường thiệt hại.

Đối với chiếc lược bằng nhựa; dây cắm nồi cơm điện và móc phơi quần áo bằng kim loại dùng đánh chị Gi sau đó L đã vứt đi, đến nay không thu giữ được. Ngày 17/5/2023 và ngày 22/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Thành tiến hành quản lý 01 thắt lưng da, dây da dài khoảng 90cm, có mặt khoá hình chữ nhật bằng kim loại, kích thước khoảng 07cm x 05 cm (do TRẦN VĂN L giao nộp); 01 trụ nắm cầu thang bằng gỗ kích thước 11cm x 08 cm; 01 thanh gỗ gác hoa văn đầu giường, kích thước 43cm x 5,5cm x 04 cm; 01 đoạn dây thừng dài 4,6 mét, một đầu được buộc dạng thòng lọng bán kính 0,2 mét; 01 phích nước nhựa nhãn hiệu Rạng Đông; 01 bếp ga mini nhãn hiệu ECO; 01 áo phông cộc tay màu xanh (thu giữ trong quá trình xác định hiện trường).

Tại bản Cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 18/7/2023,Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành đã truy tố bị cáo TRẦN VĂN L về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự và tội "Hành hạ vợ" theo quy định điểm a khoản 2 Điều 185 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

* Bị cáo thừa nhận hành vi gây thương tích cho chị Gi vào ngày 01/5/2023 và ngày 10/5/2023, trước đó bị cáo còn 02 lần khác sử dụng vũ lực hành hạ chị Gi ; xác định tất cả những thương tích trên người chị Gi đều do bị cáo gây ra. Việc Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo về tội *"Cố ý gây thương tích"* và tội *"Hành hạ vợ"* là đúng; đồng ý việc bố đẻ bị cáo nộp số tiền 5.000.000đ vào Chi cục thi hành án dân sự để bồi thường cho chị Gi . Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

* Bị hại xác định ngoài hành vi gây thương tích ngày 01/5/2023 và ngày 10/5/2023 thì rất nhiều lần bị L sử dụng vũ lực hành hạ trong một thời gian dài, nhiều nhất 1 ngày bị L hành hạ, đánh đập từ 3 đến 4 lần, ít nhất thì từ 2 đến 3 ngày bị L đánh đập một lần. Chị đề nghị xét xử L theo đúng quy định của pháp luật và không yêu cầu bồi thường; đối với số tiền 5.000.000 đồng ông S nộp vào Chi cục thi

hành án để bồi thường thay cho L thì chị từ chối không nhận và đề nghị trả lại cho ông S.

* Người có quyền lợi liên quan (Ông Trần Hồng S-bố đẻ bị cáo) xác định: Trong cuộc sống hàng ngày thì giữa L và chị Gi nhiều lần xảy ra xô sát, nhiều lần ông đã phải nhờ Công an xã can thiệp; tuy nhiên khi Công an đến gia đình thì chị Gi lại nói là không có chuyện gì nên Công an không giải quyết. Do L bị giam giữ và gia đình nhận thấy hành vi L thực hiện với chị Gi là sai trái nên tự nguyện nộp thay L số tiền 5.000.000 đồng vào Chi cục thi hành án để bồi thường, khắc phục hậu quả cho chị Gi ; tại phiên tòa do chị Gi từ chối không nhận số tiền này nên ông đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho ông số tiền này.

* Đại diện VKSND huyện Kim Thành giữ nguyên Quyết định truy tố, nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị: Tuyên bố bị cáo TRẦN VĂN L phạm 02 tội: *"Cố ý gây thương tích"* và *"Hành hạ vợ"*.

- Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm a khoản 2 Điều 185; Điều 38 và khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với cả 02 tội.

Điểm g khoản 1 Điều 52 đối với tội "Cố ý gây thương tích"

Xử phạt TRẦN VĂN L từ 06 năm tù đến 06 năm 06 tháng tù về tội *"Cố ý gây thương tích";* từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù về tội *"Hành hạ vợ"*. Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 09 năm 03 tháng tù đến 10 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/5/2023.

- Trách nhiệm dân sự: Do người bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

- Biện pháp tư pháp, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự: Đối với số tiền 5.000.000đ của ông Trần Hồng S nộp tại Chi cục thi hành án dân sự để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả thay cho bị cáo L , do chị Gi từ chối nhận số tiền này nên đề nghị trả lại số tiền này cho ông S.

- Xử lý vật chứng, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy 01 thắt lưng da; 01 trụ nắm cầu thang bằng gỗ; 01 thanh gỗ; 01 đoạn dây thừng; 01 phích nước nhãn hiệu Rạng Đông; 01 bếp ga mini nhãn hiệu ECO; 01 áo phông cộc tay màu xanh; 01 trụ nắm cầu thang bằng gỗ.

- Án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí quyết định truy tố về tội danh và Điều luật của Viện kiểm sát về việc truy tố bị cáo về tội *"Cố ý gây thương*

tích" và tội *"Hành hạ vợ"*. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là *"Thành khẩn khai báo"*; bố đẻ được tặng Huân chương; tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, bố đẻ bị cáo đã nộp vào Chi cục thi hành án số tiền 5.000.000đ, bị cáo đồng ý việc gia đình nộp số tiền này để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; tại phiên tòa chị Gi không yêu cầu bị cáo bồi thường và từ chối nhận số tiền này, tuy nhiên cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng tình các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo từ 5 năm 9 tháng tù đến 6 năm tù về tội *"Cố ý gây thương tích"*, 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù về tội *"Hành hạ vợ"* và tổng hợp hình phạt của 02 tội để bị cáo có cơ hội sớm trở về gia đình, nuôi dạy các con và chăm sóc bố mẹ già. Bị cáo thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày quan điểm: Cơ bản nhất trí về tội danh, điều luật, tình tiết tăng nặng; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo như quan điểm tại bản luận tội của Viện kiểm sát; không nhất trí áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo về tội *"Hành hạ vợ"* vì bị cáo không thừa nhận nhiều lần đánh đập chị Gi . Do bị cáo có nhân thân xấu, có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên đề nghị xét xử nghiêm đối với bị cáo theo quy định của pháp luật; về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Kim Thành; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo chỉ thừa nhận thực hiện 04 lần đánh chị Gi , trong đó: 02 hành vi đánh chị Gi vào ngày 01 và ngày 10 tháng 5/2023; trước ngày 01/5/2023 L chỉ đánh chị Gi 02 lần. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ngoài hành vi bị cáo đánh chị Gi vào các ngày 01 và 10/5/2023 thì bị cáo còn thường xuyên sử dụng hành vi bạo lực xâm phạm thân thể đối với chị Gi , những chứng cứ đó là: Tại những lời khai ban đầu và tại bản tự khai bị cáo đều không thừa nhận hành vi phạm tội, không hề biết các

thương tích trên người chị Gi là do ai gây ra; sau đó bị cáo thay đổi lời khai theo từng thời điểm; thừa nhận 2 lần, rồi 3 lần, 4 lần đánh chị Gi . Quá trình điều tra, Cơ quan giám định đã xác định trên cơ thể chị Gi có rất nhiều dấu vết thương tích; cụ thể: 32 vết bỏng da vùng mặt; 05 vết bỏng da vùng ngực; 08 vết bỏng da vùng lưng, thắt lưng; 16 vết bỏng da mặt sau vai phải, mặt sau vai trái, mặt ngoài 1/3 trên cánh tay phải, vùng cánh tay trái, vùng cẳng tay trái, mặt ngoài 1/3 trên đùi phải, vùng mặt ngoài đùi trái; 45 vết xây xước da vùng lưng, thắt lưng; 37 vết xước da vùng mông, đùi, cẳng chân phải; 31 vết xây xước da mông đùi, cẳng chân trái; 02 vết bầm tím cẳng chân trái đã ngả vàng. Đối với những thương tích này, bản thân bị cáo tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay đều xác định tất cả những vết thương trên cơ thể của chị Gi đều do bị cáo gây ra. Bị hại xác định ngoài hành vi L đánh vào ngày 01 và ngày 10 tháng 5/2023 thì trước đó L còn nhiều lần khác thực hiện hành vi đánh đập. Những lời khai của người bị hại phù hợp với lời khai của người làm chứng là cháu Trần Thị Kim Oanh và Trần Khánh L1 đều xác định L đã nhiều lần chửi bới, đánh đập chị Gi từ tháng 01/2022; bị cáo cũng thừa nhận từ tháng 9/2022 đã thực hiện hành vi dùng tay, lược dài 40cm để đánh chị Gi . Những lời khai của bị hại, người làm chứng đều phù hợp khách quan với những thương tích trên cơ thể chị Gi cùng các vật chứng đã thu giữ trong vụ án là công cụ để L thực hiện hành vi bạo lực xâm phạm thân thể chị Gi là: Dây thắt lưng da, thanh gỗ, trụ nắm cầu thang bằng gỗ, dây dù, phích nước, bếp ga mini. Việc bị cáo không thừa nhận nhiều lần thực hiện hành vi xâm hại sức khỏe của chị Gi không phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập trong vụ án, mục đích khai báo chỉ nhằm trốn tránh trách nhiệm hình sự nên không có căn cứ chấp nhận.

Đã có đủ căn cứ kết luận: Do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng về việc chi tiêu, sinh hoạt gia đình, trong khoảng thời gian từ khoảng đầu năm 2022 đến trước ngày 01/5/2023 tại thôn Q , xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; TRẦN VĂN L thường xuyên thực hiện hành vi bạo lực xâm phạm thân thể chị Bùi Thị Tuyết Gi (là vợ của L) nhưng không để lại thương tích. Ngày 01/5/2023, TRẦN VĂN L dùng dây cắm nồi cơm điện và phần đầu dây thắt lưng da có mặt khóa bằng kim loại (là hung khí nguy hiểm) vụt liên tiếp vào cơ thể chị Gi ; sau đó, L dùng bếp ga mini hơ nóng chiếc móc phơi quần áo bằng kim loại (là hung khí nguy hiểm) dí nhiều lần vào cơ thể chị Gi . Ngày 10/5/2023, L dùng dây thắt lưng da vụt liên tiếp phần đầu dây có mặt khóa bằng kim loại vào cơ thể chị Gi , gây tỷ lệ tổn thương trên cơ thể của chị Gi là 48%. TRẦN VĂN L thực hiện hành vi bạo lực xâm phạm thân thể và chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt đã cố ý thực hiện hành vi gây thương tích đối với chị Gi khi chị Gi đang mang thai. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương đã truy tố bị cáo TRẦN VĂN L về 02 tội: *"Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự và tội *"Hành hạ vợ"* theo quy định điểm a khoản 2 Điều 185 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến 02 khách thể được pháp luật bảo vệ là sức khỏe; thuần phong mỹ tục trong quan hệ gia đình truyền thống và danh dự, nhân phẩm, sức khỏe của người bị hại trong thời gian dài, xâm phạm đến quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình được nhà nước bảo vệ, gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Nhân thân bị cáo năm 2007 bị xử phạt hành chính về hành vi gây mất trật tự ở khu dân cư nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng mà tiếp tục thực hiện hành vi dùng bạo lực xâm phạm thân thể, cố ý gây thương tích chính người vợ của mình tại gia đình, khi đang mang thai đứa con của bị cáo; điều thể hiện sự coi thường sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, truyền thống đạo đức trong gia đình. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Kim Thành, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân huyện Kim Thành đều thống nhất xác định đây là vụ án hình sự trọng điểm để giải quyết nhanh chóng, chính xác và đảm bảo quy định của pháp luật để trừng trị đối tượng phạm tội, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại để ổn định tình hình an ninh, chính trị tại địa phương; góp phần trong công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật trong quần chúng nhân dân và mang tính răn đe, phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; tổng hợp hình phạt của 02 tội:

- Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Phạm tội 2 lần trở lên"* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với tội *"Cố ý gây thương tích"*.

- Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*; bị cáo chỉ thừa nhận một phần hành vi phạm tội *"Hành hạ vợ"*, tuy nhiên lời khai này của bị cáo cũng là căn cứ để cơ quan điều tra, truy tố, xét xử xác định cấu thành tội phạm hình sự và tình tiết định khung nên bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *"Thành khẩn khai báo"* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với cả 02 tội.

Bị cáo có bố đẻ được tặng Huân chương kháng chiến hạng 3. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, bố đẻ bị cáo đã nộp vào Chi cục thi hành án thay cho bị cáo số tiền 5.000.000đ, bị cáo đồng ý việc gia đình nộp số tiền này để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; tại phiên tòa chị Gi không yêu cầu bị cáo bồi thường và từ chối nhận số tiền này tuy nhiên Hội đồng xét xử xác định bị cáo có mong muốn bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra nên xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo đối với cả 02 tội.

- Do bị cáo bị xét xử về 02 tội nên áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của 02 tội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì về bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 5.000.000đ của ông Trần Hồng S nộp thay bị cáo L tại Chi cục thi hành án dân sự để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại, do chị Gi từ chối nhận số tiền này nên hoàn trả ông Son số tiền này.

[7] Xử lý vật chứng: Đối với 01 thắt lưng da, dây da dài khoảng 90cm, có mặt khoá hình chữ nhật bằng kim loại, kích thước khoảng 07cm x 05 cm; 01 trụ nắm cầu thang bằng gỗ kích thước 11cm x 08 cm; 01 thanh gỗ gác hoa văn đầu giường, kích thước 43cm x 5,5cm x 04 cm; 01 đoạn dây thừng dài 4,6 mét, một đầu được buộc dạng thòng lọng bán kính 0,2 mét; 01 phích nước nhựa nhãn hiệu Rạng Đông; 01 bếp ga mini nhãn hiệu ECO; 01 áo phông cộc tay màu xanh là những vật chứng thu giữ trong vụ án, không còn giá trị sử dụng nên cho tịch thu tiêu hủy.

[8] Án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm a khoản 2 Điều 185; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự đối với tội *" Cố ý gây thương tích"* và tội *"Hành hạ vợ"*.

Điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với tội *"Cố ý gây thương tích"*.

- Điểm b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên bố: Bị cáo TRẦN VĂN L phạm 02 tội: *"Cố ý gây thương tích"* và *"Hành hạ vợ"*.

3. Áp dụng hình phạt chính: Xử phạt TRẦN VĂN L **06** năm **03** tháng tù về tội *"Cố ý gây thương tích"*, **03** năm **03** tháng tù về tội*"Hành hạ vợ";* tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 tội là **09** năm **06** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/5/2023.

4. Biện pháp tư pháp: Hoàn trả ông Trần Hồng S, sinh năm 1952; nơi cư trú: Q , K, Kim Thành, Hải Dương số tiền 5.000.000 đồng (Theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0001066 ngày 16/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương).

5. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 thắt lưng da, dây da dài khoảng 90cm, có mặt khoá hình chữ nhật bằng kim loại, kích thước khoảng 07cm x 05 cm; 01 trụ nắm cầu thang bằng gỗ kích thước 11cm x 08 cm; 01 thanh gỗ gác hoa văn đầu giường, kích thước 43cm x 5,5cm x 04 cm; 01 đoạn dây thừng dài 4,6 mét, một đầu được buộc dạng

thòng lọng bán kính 0,2 mét; 01 phích nước nhựa nhãn hiệu Rạng Đông; 01 bếp ga mini nhãn hiệu ECO; 01 áo phông cộc tay màu xanh

(Số lượng, đặc điểm vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành).

6. Án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo TRẦN VĂN L.

7. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm; có mặt bị cáo và người bào chữa, người bị hại và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị hại. Đã báo cho bị cáo, bị hại biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chu Văn Nghĩa

- VKSND huyện Kim Thành.
- CQCSĐT - Công an huyện Kim Thành
- Nhà tạm giữ-Công an huyện Kim Thành..
- Cơ quan THA hình sự-Công an tỉnh Hải Dương.
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Hải Dương.
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ - CA huyện Kim Thành.
- Chi cục THADS huyện Kim Thành.
- VKSND tỉnh Hải Dương.
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương.
- Các bị cáo, bị hại.
- Trợ giúp viên pháp lý NN.